TÒA ÁN NHÂN DÂN Huyện Na Rì - tỉnh Bắc Kạn	**CỘNG HÒA XÃ HÔI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2019/HS-ST
Ngày 28 tháng 6 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ - TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Thắng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Tháo và bà Lê Thị Khuyên
***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hà Thị Hoàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa*:** Ông Hoàng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2019/TLST-HS, ngày 10/6/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 06 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Chu Văn T, sinh ngày 25/10/1975, tại: Q, N; nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chu Văn N và bà Lường Thị H (đã chết); có vợ là Hoàng Thị C và 02 con; tiền sự: 01; tiền án: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Hà Văn T, sinh ngày 21/12/1980, tại: Q, N; nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn C (đã chết) và bà Trần Thị N; có vợ là Nông Thị H và 02 con; tiền sự: 01; tiền án: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Lý Văn T - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Kạn (có mặt).
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
+ Anh Lê Thanh N, sinh năm 1961; trú tại: Thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).
+ Anh Lèo Phương Đ, sinh năm 1982; trú tại: Tổ nhân dân P, thị trấn Y, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).
+ Anh Lê Văn Q, sinh năm 1976; trú tại: Thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).
+ Anh Nông Văn H, sinh năm 1985; trú tại: Thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

- Người làm chứng: Anh Chu Văn D, sinh năm 1979; trú tại: Thôn C, xã C, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 15/4/2019, Chu Văn T, Hà Văn T cùng với Hà Văn T3, Bùi Xuân T, Chu Văn D, Lê Văn Q, Lèo Phương Đ cùng đi ăn cỗ cưới tại thôn K, xã Q, huyện N. Tại đám cưới mọi người biết tin mẹ đẻ của Q ốm vừa đi viện về, nên rủ nhau đến nhà Q để thăm hỏi, khoảng 14 giờ, Q về nhà trước. T2, T1 và Dũng đi xe mô tô cá nhân đến sau. Còn Đ đi về UBND xã Q. Khi đến nhà thăm mẹ Q, trong khi ngồi uống nước nói chuyện, T2 nhìn thấy dưới gầm bàn uống nước có chiếc kéo và vỏ bao thuốc lá Thăng Long, T2 liền dùng kéo cắt vỏ bao thuốc lá thành hình tròn gọi là quân vị dùng vào mục đích đánh bạc, khi T2 đang cắt có Hà Văn T3 đến, sau đó có Lê Thanh N đang chăn trâu gần nhà Q cũng lên nhà Q chơi, thấy mọi người đang chuẩn bị đánh bạc. T2 cắt được 04 quân vị hình tròn có một mặt màu vàng, một mặt màu trắng cùng kích thước để trên bàn, rồi ra ngoài đi vệ sinh, N nói với mọi người xuống bếp đánh bạc, T1 cầm 04 quân vị cùng D, N, Q đi xuống bếp nhà Q, T1 lấy 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, 01 chiếc bát sứ màu trắng trong bếp để làm công cụ đánh bạc, rồi cùng nhau ngồi quây thành vòng tròn trên chiếc chiếu đã trải sẵn trên nền bếp. T2 đi vệ sinh vào ngồi cùng tham gia đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, cụ thể: Cho 04 quân vị vào đĩa rồi úp bát lên chiếc đĩa, người cầm cái cầm lên xóc nhiều lần, rồi đặt xuống chiếu để mọi người bắt đầu đặt cược, quy ước bên tay phải người cầm cái là cửa chẵn, bên tay trái người cầm cái là cửa lẻ, số tiền chơi tùy từng ván và tùy từng người chơi đặt cược với người cầm cái hoặc giữa những người tham gia đánh bạc tự đặt cược với nhau, số tiền đặt cược thấp nhất là 10.000,đ. Sau khi đặt cược xong thì mở bát, nếu 2 hoặc 4 quân vị trong đĩa ngửa cùng một màu thì người đặt cược cửa chẵn là người thắng cược, còn 1 quân vị ngửa khác màu với 3 quân vị còn lại thì người đặt cược cửa lẻ là người thắng cược. Khi T1, T2, D, N, Q đang đánh bạc có Lèo Phương Đ đến tham gia, Đ là người cầm cái. Lúc đó tại nhà Q có Hà Văn T3, Bùi Xuân T, Nông Văn H cũng đến thăm mẹ Q, nhưng T3, T4, H không tham gia đánh bạc. Khi T2, T1, N, D, Q, Đ đánh bạc đến 18 giờ ngày 15/4/2019, thì bị tổ công tác Công an huyện N phát hiện lập biên bản, thu giữ các đồ vật liên quan đến hành vi đánh bạc gồm: 400.000đ thu trên chiếu; 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ; 01 chiếc chiếu cói; 04 quân vị hình tròn; các đối tượng tự nguyện giao nộp số tiền gồm: 1.500.000đ của Lê Thanh N; 408.000đ của Lèo Phương Đ; 20.000đ của Nông Văn H; 05 điện thoại di động của Lê Văn Q; Hà Văn T3; Lèo Phương Đ; Lê Thanh N; Chu Văn D. Còn Chu Văn T và Hà Văn T bỏ chạy. Đến ngày 16/4/2019 Chu Văn T1 đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N giao nộp số tiền 50.000đ là tiền T1 sử dụng đánh bạc; Lê Văn Q giao nộp 01 chiếc kéo sử dụng để cắt quân vị làm công cụ đánh bạc.

Quá trình điều tra xác định: Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc buổi chiều ngày 15/4/2019 là: 570.000đ (năm trăm bảy mươi nghìn đồng);

trong đó: Thu tại chiếu bạc là: 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng); các đối tượng tự giao nộp số tiền đã sử dụng vào việc đánh bạc là: 150.000,đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó: N 100.000,đ, T1 50.000,đ, còn lại: 20.000,đ, Q khai trong lúc đang đánh bạc đã cho con trai là Lê Văn T sinh năm 2004 và Thái đã tiêu hết số tiền này, nên không thu được.

Tại Cơ quan Điều tra: T1 khai có 40.000,đ; T2 khai có 50.000,đ; Q khai có 20.000,đ; D khai có 50.000.đ; N khai có 1.500.000,đ, nhưng chỉ dùng 100.000,đ để đánh bạc; Đ khai có 458.000,đ, nhưng chỉ dùng 50.000,đ để đánh bạc. Số tiền còn lại N và Đ khai không có ý định sẽ dùng vào việc đánh bạc.

Trong số các đối tượng tham gia đánh bạc trên có Chu Văn T1, Hà Văn T2 trước đó đã bị Công an huyện N, xử phạt hành chính tại Quyết định số: 219/QĐ-XPHC và số: 220/QĐ-XPHC ngày 21/12/2018, về hành vi đánh bạc vào ngày 27/9/2018 bằng hình thức phạt tiền, cả hai đã chấp hành xong, nhưng đang còn trong thời hiệu của pháp luật hành chính, nên đây là yếu tố định tội.

Vật chứng của vụ án: 04 quân vị hình tròn một mặt màu trắng, một mặt màu vàng; 01 chiếc chiếu cói; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 01 chiếc kéo bằng kim loại màu đen; 05 phong bì niêm phong dán kín, trong đó: 01 phong bì bên trong có 400.000,đ; 01 phong bì bên trong có 408.000,đ; 01 phong bì bên trong có 1.500.000,đ; 01 phong bì bên trong có 50.000,đ; 01 phong bì bên trong có 20.000,đ.

Tổng cộng số tiền trong 5 phong bì là: 2.378.000,đ (hai triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS-NR ngày 09/6/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn, truy tố các bị cáo Chu Văn T, Hà Văn T về: "Tội đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Chu Văn T, Hà Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc trái phép và số tiền bị cáo và các đối tượng đã sử dụng vào việc đánh bạc trái phép như nội dung Cáo trạng đã nêu. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Thanh N có ý kiến: Khi tham gia đánh bạc, anh N có trong người 1.500.000,đ nhưng chỉ dùng 100.000,đ để đánh bạc, số tiền còn lại không có ý định sẽ dùng để đánh bạc, nên đề nghị trả lại số tiền 1.400.000,đ; anh Lèo Phương Đ có ý kiến: Khi tham gia đánh bạc, anh Đ mang theo trên người 458.000,đ nhưng chỉ dùng 50.000,đ để đánh bạc, số tiền còn lại không có ý định sẽ dùng đánh bạc nên đề nghị được trả lại 408.000,đ;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo cáo trạng và có thông báo về việc đính chính số của bản Cáo trạng có ghi số 10 nay đính chính lại là số 11, đồng thời đính chính dòng thứ 18 từ dưới lên trang 06 của bản Cáo trạng có ghi Chu Văn T nay đính chính lại là Hà Văn T. Đề nghị HĐXX tuyên bố: Chu Văn T, Hà Văn T phạm "Tội đánh bạc". Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T1; áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T2, xử phạt bị cáo T1, T2 mỗi bị cáo từ 08 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; do các bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng

135 có điều kiện kinh tế khó khăn, nên không áp dụng việc khấu trừ thu nhập và hình phạt bổ sung đồng thời miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo. Về xử lý vật chứng: Tịch thu số tiền 550.000,đ để nộp ngân sách nhà nước; tịch thu tiêu hủy 04 quân vị hình tròn; 01 chiếc chiếu cói; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ ; 01 chiếc kéo; trả lại anh Nông Văn H 20.000,đ, anh Lèo Phương Đ 408.000,đ, anh Lê Thanh N 1.400.000,đ.

Người bào chữa cho các bị cáo nêu quan điểm: Các bị cáo phạm tội do sự hiểu biết nhận thức về pháp luật còn hạn chế, các bị cáo chưa có tiền án, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiệm trọng, các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế khó khăn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy, đề nghị HĐXX xem xét áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ xử phạt mỗi bị cáo từ 6 đến 9 tháng và không áp dụng hình phạt bổ sung, không khấu trừ thu nhập và miễn tiền án phí cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan Điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, các tài liệu khác đã được Cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: Chiều ngày 15/4/2019, tại nhà bếp của Lê Văn Q thuộc thôn N, xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, Chu Văn T, Hà Văn T cùng các đối tượng Lê Văn Q, Chu Văn D, Lê Thanh N, Lèo Phương Đ đã cùng nhau thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, số tiền cá cược thấp nhất là 10.000,đ. Trong quá trình đánh bạc, Hà Văn T2 và Lèo Phương Đ là người cầm cái trang tiền; đánh đến 18 giờ ngày 15/4/2019 thì bị Công an huyện N phát hiện, lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền là: 400.000đ. Số tiền trên người các đối tượng sử dụng để đánh bạc tự giao nộp là 150.000đ, còn lại: 20.000đ đã chi tiêu hết, nên không thu giữ được.

Tổng số tiền được các bị cáo và các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc là 570.000đ (năm trăm bảy mươi nghìn đồng) dưới 5.000.000,đ (năm triệu đồng).

Nhưng trước đó Chu Văn T, Hà Văn T đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này, do vậy hành vi đánh bạc trái phép của Chu Văn T, Hà Văn T cấu thành "Tội đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Điều luật có Nội dung: *"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất cứ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này... mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".*

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Nhân thân: Các bị cáo Chu Văn T, Hà Văn T có nhân thân tốt, cả hai chưa có tiền án; về tiền sự: Cả hai đều bị xử phạt hành chính, tại Quyết định xử phạt hành chính Số: 219 và số 220/QĐ-XPVPHC, ngày 21/12/2018, của Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn, xử phạt về hành vi đánh bạc trái phép, các bị cáo đã chấp hành xong, nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Do vậy, đây là tình tiết định tội đối với các bị cáo.

- Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; có các tình tiết giảm nhẹ sau: Chu Văn T, Hà Văn T đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo và thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, các bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ là: "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"; "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo Chu Văn T có bố đẻ là ông Chu Văn N là người có công với nước, được Các Ban của Trung ương và địa phương tặng Kỷ niệm chương và Bằng khen, nên được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị xử phạt các bị cáo, mỗi bị cáo từ 08 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. HĐXX xét thấy, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là nằm trong khung hình phạt mà các bị cáo bị truy tố và phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo.

[5]. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, căn cứ vào các quy định của pháp luật, HĐXX xét thấy: Vụ án phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, việc đánh bạc của các bị cáo là bột phát, không có sự tổ chức, chuẩn bị trước, số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc có giá trị thấp (570.000,đồng). Vai trò của các bị cáo trong vụ án là như nhau. Các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, trình độ nhận thức còn nhiều hạn chế, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu và thuộc trường

hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Xét thấy có đủ điều kiện để áp dụng Điều 36/BLHS, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo cũng đủ răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Về nghĩa vụ khấu trừ thu nhập, không buộc các bị cáo phải khấu trừ thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ; không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 550.000,đ các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; số tiền còn lại 1.828.000,đ, trong đó: thuộc sở hữu của anh N 1.400.000,đ, sở hữu của anh Đ 408.000,đ, anh Hà 20.000,đ, số tiền trên do không liên quan đến vụ án, nên trả lại cho chủ sở hữu.

- 04 quân vị hình tròn; 01 chiếc chiếu cói màu vàng; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 01 chiếc kéo bằng kim loại là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

[7] Đối với các đối tượng: Lê Văn Q, Lèo Phương Đ, Chu Văn D, Lê Thanh N, cùng tham gia đánh bạc tại nhà Lê Văn Q, tuy nhiên số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc dưới 5.000.000đ (năm triệu đồng) và trước đó Q, Đ, D, N chưa bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, chưa bị kết án về tội đánh bạc hoặc gá bạc, nên không cấu thành tội phạm, nên hành vi trên của các đối tượng đã bị Công an huyện N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định.

[8] Về án phí: Các bị cáo T1, T2 đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại khu vực có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: Chu Văn T, Hà Văn T phạm "Tội đánh bạc".

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 36, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Chu Văn T 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; không buộc bị cáo thực hiện nghĩa vụ khấu trừ thu nhập hàng tháng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 36, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Hà Văn T 08 (tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; không buộc bị cáo thực hiện nghĩa vụ khấu trừ thu nhập hàng tháng.

Giao các bị cáo Chu Văn T, Hà Văn T cho UBND xã Q, huyện N, tỉnh Bắc Kạn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước: 550.000đ (năm trăm năm mươi nghìn đồng) do các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc.

- Trả lại anh Lê Thanh N: 1.400.000,đ (một triệu bốn trăm nghìn đồng); anh Lèo Phương Đ: 408.000,đ (bốn trăm linh tám nghìn đồng); anh Nông Văn H: 20.000,đ (hai mươi nghìn đồng) do không liên quan đến vụ án.

- Tịch thu, tiêu hủy: 04 quân vị hình tròn một mặt màu trắng, một mặt màu vàng; 01 chiếc chiếu cói… kích thước 1,6m x 1,8m; 01 bát sứ …; 01 đĩa sứ …; 01 chiếc kéo bằng kim loại màu đen, có chiều dài 20cm.

(Số lượng, hiện trạng vật chứng theo biên bản giao, nhận vật chứng; biên bản mở niêm phong và giao, nhận vật chứng ngày 13/6/2019 giữa Công an huyện với Chi cục thi hành án dân sự huyện N).

4.Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Chu Văn T, Hà Văn T.

5. Quyền kháng cáo: Cả hai bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt anh Lê Văn Q, anh Nông Văn H, anh Q và anh H có quyền kháng cáo phần liên quan trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
-VKSND huyện(01b);
-VKSND tỉnh (01b);
-TA tỉnh(01b);
- CA huyện(02b);
- Bị cáo(02b);
- Người bảo chữa;
- Người có QLNVLQ (04b);
- THA dân sự(01b);
-THA hình sự(01b);
-Hồ sơ CA huyện(01b);
-Sở Tư pháp tỉnh (01b);
-Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Ngô Xuân Thắng